

DANH SÁCH THEO DÕI TIỀN SINH VIÊN NỢ HỌC PHÍ CAO ĐẲNG KHÓA 22 & KHÓA 23
Tính đến hết ngày 01/10/2025

STT	Mã số	Lớp học	Họ và tên	Số tiền học phí đăng ký học phần kỳ này	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí nợ còn Phải nộp	Ghi chú
STT	CD22CT1			5,445,000		5,445,000	
1	501220036	CD22CT1	Âu Dương Phú	5,445,000		5,445,000	
STT	CD23CM1			4,950,000		4,950,000	
1	506230374	CD23CM1	Khương Vỹ Cường	3,465,000		3,465,000	
2	506230058	CD23CM1	Bùi Trung Kiên	1,485,000		1,485,000	
STT	CD23CT1			5,445,000		5,445,000	
3	501230026	CD23CT1	Diệp Tuấn Khải	5,445,000		5,445,000	
STT	CD23CT11			42,075,000		42,075,000	
4	501230076	CD23CT11	Thạch Hồng Cát	2,970,000		2,970,000	
5	501230560	CD23CT11	Hồ Quang Dũng	2,970,000		2,970,000	
6	501230106	CD23CT11	Nguyễn Thành Dương	2,970,000		2,970,000	
7	501230027	CD23CT11	Nguyễn Bảo Duy	7,920,000		7,920,000	
8	501230044	CD23CT11	Nguyễn Kim Lân	2,970,000		2,970,000	
9	501230643	CD23CT11	Trần Thị Tuyết Linh	4,455,000		4,455,000	
10	501230135	CD23CT11	Trần Kha Hữu Lợi	2,970,000		2,970,000	
11	501230629	CD23CT11	Hoàng Thụy Quỳnh Như	2,970,000		2,970,000	
12	501230522	CD23CT11	Lê Hồng Phương	2,970,000		2,970,000	
13	501230320	CD23CT11	Nguyễn Thành Sơn	2,970,000		2,970,000	
14	501230107	CD23CT11	Đỗ Phước Trung	2,970,000		2,970,000	
15	501230402	CD23CT11	Trần Nguyên Trường	2,970,000		2,970,000	
STT	CD23CT12			29,205,000		29,205,000	
16	501230645	CD23CT12	Phạm Anh Cơ	2,970,000		2,970,000	
17	501230644	CD23CT12	Đoàn Minh Hiếu	2,970,000		2,970,000	
18	501230639	CD23CT12	Nguyễn Gia Hùng	4,950,000		4,950,000	
19	501230641	CD23CT12	Đào Duy Minh	6,435,000		6,435,000	
20	501230615	CD23CT12	Nguyễn Võ Gia Minh	2,970,000		2,970,000	
21	501230598	CD23CT12	Nguyễn Thanh Nguyên	2,970,000		2,970,000	
22	518230637	CD23CT12	Dương Gia Quyền	2,970,000		2,970,000	
23	501230613	CD23CT12	Lê Anh Tuấn	2,970,000		2,970,000	
STT	CD23CT2			14,355,000		14,355,000	
24	514230085	CD23CT2	Trần Nguyễn Bảo Anh	1,485,000		1,485,000	
25	501230084	CD23CT2	Nguyễn Văn Hoàng	8,415,000		8,415,000	
26	501230396	CD23CT2	Nguyễn Trung Kiên	2,970,000		2,970,000	
27	501230067	CD23CT2	Võ Chí Tường	1,485,000		1,485,000	
STT	CD23CT3			13,365,000	2,970,000	10,395,000	
28	501230390	CD23CT3	Nguyễn Thành Đô	1,485,000		1,485,000	

STT	Mã số	Lớp học	Họ và tên		Số tiền học phí đăng ký học phần kỳ này	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí nợ còn Phải nộp	Ghi chú
19	501230314	CD23CT3	Phạm Nguyễn Anh	Khôi	5,445,000	2,970,000	2,475,000	
30	501230185	CD23CT3	Ngô Ngọc	Nhân	1,980,000		1,980,000	
31	501230360	CD23CT3	Nguyễn Lữ Minh	Thông	4,455,000		4,455,000	
STT	CD23CT4				22,770,000		22,770,000	
32	501230270	CD23CT4	Thái Huỳnh Trung	Hiếu	3,960,000		3,960,000	
33	501230350	CD23CT4	Trần Hồ Anh	Kiệt	5,940,000		5,940,000	
34	501230346	CD23CT4	Nguyễn Quang	Minh	8,415,000		8,415,000	
35	501230236	CD23CT4	Nguyễn Trần	Nguyễn	1,485,000		1,485,000	
36	501230296	CD23CT4	Phạm Dương	Thanh	2,970,000		2,970,000	
STT	CD23CT5				21,780,000	6,930,000	14,850,000	
37	501230409	CD23CT5	Giáp Võ Quang	Đại	7,920,000	4,455,000	3,465,000	
38	501230331	CD23CT5	Huỳnh Trần Tiến	Khải	8,415,000	2,475,000	5,940,000	
39	501230186	CD23CT5	Trần Đăng	Khoa	1,485,000		1,485,000	
40	501230193	CD23CT5	Lê Nguyễn Tấn	Nguyên	2,475,000		2,475,000	
41	501230228	CD23CT5	Từ Công	Sơn	1,485,000		1,485,000	
STT	CD23CT6				31,185,000	4,455,000	26,730,000	
42	501230339	CD23CT6	Lê Nguyễn Quốc	An	1,485,000		1,485,000	
43	501230230	CD23CT6	Vũ Đình Tuấn	Duy	2,970,000		2,970,000	
44	501230094	CD23CT6	Nguyễn Phạm Hoàng	Lam	5,940,000	3,465,000	2,475,000	
45	501230506	CD23CT6	Triệu Khánh	Lâm	1,485,000		1,485,000	
46	501230328	CD23CT6	Nguyễn Anh	Quân	4,455,000		4,455,000	
47	501230509	CD23CT6	Trương Ngọc	Thông	5,940,000		5,940,000	
48	501230533	CD23CT6	Nguyễn Đức	Trọng	4,950,000		4,950,000	
49	501230491	CD23CT6	Phạm Thanh	Tùng	2,475,000	990,000	1,485,000	
50	501230481	CD23CT6	Ngô Thị Kim	Uyên	1,485,000		1,485,000	
STT	CD23CT7				25,245,000		25,245,000	
51	501230559	CD23CT7	Nguyễn Quốc	Cường	5,940,000		5,940,000	
52	501230568	CD23CT7	Nguyễn Tất Thành	Đạt	2,970,000		2,970,000	
53	501230581	CD23CT7	Hồ Trọng	Khôi	990,000		990,000	
54	501230564	CD23CT7	Huỳnh Đặng Hải	Nam	2,475,000		2,475,000	
55	501230532	CD23CT7	Cao Vũ Gia	Nguyên	5,940,000		5,940,000	
56	501230550	CD23CT7	Nguyễn Đỗ Quốc	Thịnh	5,445,000		5,445,000	
57	514230566	CD23CT7	Nguyễn Thanh	Tùng	1,485,000		1,485,000	
STT	CD23DH1				7,425,000		7,425,000	
58	510230459	CD23DH1	Bùi Trí	Bình	2,970,000		2,970,000	
59	501230018	CD23DH1	Lê Hoàng Minh	Thư	4,455,000		4,455,000	
STT	CD23DH2				32,670,000	4,950,000	27,720,000	
60	510230619	CD23DH2	Tô Phan Trường	An	5,940,000	4,950,000	990,000	
61	510230175	CD23DH2	Lê Nguyễn Mai	Anh	6,930,000		6,930,000	
62	510230258	CD23DH2	Phan Nhật	Duy	1,485,000		1,485,000	
63	510230597	CD23DH2	Trần Lê Minh	Khôi	6,930,000		6,930,000	
64	510230516	CD23DH2	Vô Phạm Mỹ	Tiên	1,485,000		1,485,000	

STT	Mã số	Lớp học	Họ và tên		Số tiền học phí đăng ký học phần kỳ này	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí nợ còn Phải nộp	Ghi chú
65	510230232	CD23DH2	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	6,930,000		6,930,000	
66	510230142	CD23DH2	Nguyễn Hoàng	Vũ	2,970,000		2,970,000	
STT	CD23DH3				23,265,000		23,265,000	
67	510230553	CD23DH3	Vy Hoàng Hồng	Ân	2,475,000		2,475,000	
68	510230124	CD23DH3	Đoàn Phạm Trung	Đông	6,435,000		6,435,000	
69	510230164	CD23DH3	Trương Võ Tuấn	Kiệt	1,485,000		1,485,000	
70	510230535	CD23DH3	Hồ Nguyễn Uyên	Thi	5,445,000		5,445,000	
71	510230268	CD23DH3	Hà Thanh	Vinh	4,455,000		4,455,000	
72	510230316	CD23DH3	Nguyễn Quang	Vinh	2,970,000		2,970,000	
STT	CD23KT1				6,435,000		6,435,000	
73	509230499	CD23KT1	Nguyễn Trung	Kiên	6,435,000		6,435,000	
STT	CD23LM1				29,700,000		29,700,000	
74	514230235	CD23LM1	Bùi Trọng	Hoàng	4,455,000		4,455,000	
75	514230421	CD23LM1	Trương Ngọc Yến	Quỳnh	4,950,000		4,950,000	
76	514230035	CD23LM1	Suôn	Tía	6,435,000		6,435,000	
77	514230243	CD23LM1	Nguyễn Đức	Tín	1,980,000		1,980,000	
78	514230576	CD23LM1	Trương Minh	Trí	6,435,000		6,435,000	
79	514230183	CD23LM1	Đinh Hải	Triều	1,485,000		1,485,000	
80	514230492	CD23LM1	Trần Thế	Văng	3,960,000		3,960,000	
STT	CD23MK1				9,405,000		9,405,000	
81	512230463	CD23MK1	Lương Gia	Ngân	1,485,000		1,485,000	
82	512230609	CD23MK1	Lê Thị Thảo	Nguyên	6,435,000		6,435,000	
83	512230530	CD23MK1	Lê Thị Minh	Phương	1,485,000		1,485,000	
STT	CD23TD1				2,970,000		2,970,000	
84	512230636	CD23TD1	Lê Khánh	Hoà	1,485,000		1,485,000	
85	513230494	CD23TD1	Đặng Hoàng Anh	Khoa	1,485,000		1,485,000	
STT	CD23TM1				13,365,000		13,365,000	
86	502230635	CD23TM1	Lê Đức	Nghĩa	6,435,000		6,435,000	
87	501230144	CD23TM1	Trần Đức	Tuấn	1,980,000		1,980,000	
88	501230302	CD23TM1	Nguyễn Anh	Văn	4,950,000		4,950,000	
STT	CD23TT1				17,820,000		17,820,000	
89	517230460	CD23TT1	Nguyễn Mai Kiều	Anh	2,475,000		2,475,000	
90	517230537	CD23TT1	Tô Thị Kiều	My	6,435,000		6,435,000	
91	517230638	CD23TT1	Trần Thị Trúc	Phương	2,970,000		2,970,000	
92	517230549	CD23TT1	Phạm Duy	Tân	5,940,000		5,940,000	
STT	CD23TW1				1,980,000		1,980,000	
93	518230614	CD23TW1	Phạm Thị Bạch	Dương	1,980,000		1,980,000	
			CỘNG		360,855,000	19,305,000	341,550,000	

Ngày 01 tháng 10 năm 2025

Hiệu trưởng

Kế toán trưởng

Lập bảng

Ths. Lê Vũ Hùng

Huỳnh Thị Đức Trinh

Lê Thị Thanh Nhân

